

Số: 201 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 21/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại. Trong đó, tập trung cao cho cải cách tổ chức bộ máy, sắp xếp cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả kết hợp với đẩy mạnh tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng dịch vụ công; cải cách thủ tục hành chính (TTHC) nhằm rút ngắn thời gian, giảm kinh phí, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Duy trì và nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh.

2. Yêu cầu

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức trên các phương tiện truyền thông.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC, đặc biệt là tiếp tục nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025 tiếp tục tập trung vào 06 nội dung chủ yếu sau: Cải cách thể chế; Cải cách TTHC; Cải cách tổ chức bộ

máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

1. Mục tiêu chung:

Hoàn thành và đảm bảo tiến độ, chất lượng 100% nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh; Kế hoạch CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

100% văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành đúng quy trình, đồng bộ và thống nhất với hệ thống pháp luật của Trung ương.

100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và rà soát đơn giản hóa. Bảo đảm trên 95% hồ sơ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (TN & TKQ) các cấp được giải quyết trước và đúng hạn. Trường hợp, để xảy ra tình trạng chậm muộn phải thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%.

100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc danh mục bí mật nhà nước); 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

Tiếp tục có nhiều giải pháp để cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần giữ vững và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh năm 2025 thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.

2. Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

(Có Phụ lục chi tiết các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công chủ trì, phối hợp và thời gian thực hiện cụ thể của từng lĩnh vực kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện CCHC của người đứng đầu từ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đến các cơ quan, địa phương. Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, thống nhất việc xây dựng và tổ chức, thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý của mình; xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của năm và giai đoạn; xây dựng kế hoạch phải bám sát kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương; lượng hóa các mục tiêu CCHC với mức độ phù hợp, thiết thực; đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm tính khả thi cao nhất; coi trọng công tác thí điểm một số mô hình mới, sáng tạo trong CCHC. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC khi xây dựng kế hoạch chi ngân sách hằng năm của tỉnh. Bố trí đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện các nhiệm vụ CCHC; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng

nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các sở, ngành, địa phương.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về CCHC đến người dân, doanh nghiệp; đồng thời, tập trung tuyên truyền, quán triệt sâu rộng tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về công tác cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo chỉ đạo của Trung ương nhằm bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, liên tục trong triển khai các nhiệm vụ CCHC, nhất là bám sát Kế hoạch CCHC của Trung ương và của tỉnh để thực hiện đúng lộ trình, kế hoạch đề ra.

3. Công tác kiểm tra

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC. Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC nội bộ năm 2025; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra nghiêm túc, đúng quy trình, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chính xác, khách quan và không gây trở ngại đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

Tiếp tục phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác CCHC, góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác cải CCHC.

4. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... Ứng dụng hiệu quả CNTT, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã.

5. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số, chuyển đổi số, phát huy các kết quả đã đạt được nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ các dịch vụ công và chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai Kế hoạch.

2. Các sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã

1.1. Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025, nội dung kế hoạch phải đảm bảo rõ nhiệm vụ, kết quả, thời gian hoàn thành, phân công rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đảm bảo tính hiệu quả trong tổ chức triển khai thực hiện. Thời gian hoàn thành: Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, xong trước ngày **30/01/2025**; UBND cấp xã xong trước ngày **15/02/2025**.

1.2. Tổ chức phổ biến, quán triệt, thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về công tác CCHC, đặc biệt là việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp.

1.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC ban hành trong **tháng 3/2025**. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất về kết quả CCHC với Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định.

1.4. Xây dựng, ban hành kế hoạch khắc phục và nâng cao Chỉ số CCHC năm 2025 của các Sở, ngành, các huyện, thành phố, thị xã sau khi Chủ tịch tỉnh phê duyệt và công bố (kết quả chấm điểm) Chỉ số CCHC; hoàn thành trước **ngày 28/02/2025**.

2. Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan chủ trì các nội dung CCHC

Ngoài việc thực hiện những nội dung, nhiệm vụ trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch; các cơ quan có tên dưới đây có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ sau:

2.1. Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá việc triển khai kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp tài liệu, tự xác định chỉ số CCHC năm 2025 của tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định; thực hiện chấm điểm chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2025 và những năm tiếp theo.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tham mưu chỉ đạo thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ; lập dự trù kinh phí CCHC năm 2025.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và thực thi nhiệm vụ, công vụ của tỉnh năm 2025; đảm bảo kiểm tra ít nhất 30% số cơ quan, địa phương.

Phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan có liên quan tuyên truyền về CCHC nhà nước; kịp thời cung cấp thông tin về tình hình thực hiện CCHC nhà nước của tỉnh.

Định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, kịp thời đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách TTHC, kiểm soát TTHC.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2025 của tỉnh.

Cung cấp tài liệu kiểm chứng các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực cải cách TTHC; tiêu chí đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp; tiêu chí thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao của Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025.

2.3. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách thể chế.

Cung cấp tài liệu kiểm chứng các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025 thuộc lĩnh vực cải cách thể chế.

2.4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan báo, đài cấp tỉnh; Trung tâm văn hoá, thông tin và thể thao cấp huyện tổ chức thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC bằng các hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thuộc phạm vi quản lý.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC nhà nước của tỉnh năm 2025.

Cung cấp tài liệu kiểm chứng các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025 thuộc lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính.

2.5. Sở Tài chính

Tham mưu UBND, Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách tài chính công. Cung cấp tài liệu kiểm chứng các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025 thuộc lĩnh vực tài chính công.

2.6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu cho UBND, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh; đảm bảo sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số PCI.

Cung cấp tài liệu kiểm chứng các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025 thuộc lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

2.7. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quan thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh xét chấp thuận; công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh đối với sáng kiến lĩnh vực CCHC theo quy định hiện hành.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2.8. Sở Y tế

Tiếp tục duy trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh. Năm 2025 phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ y tế công đạt tối thiểu 90%.

Tiếp tục đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

2.9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập; đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn ngành. Tham mưu rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Phấn đấu tỉ lệ nhà trường, các cơ sở giáo dục đáp ứng so với mong đợi của người dân đạt trên 90%. Năm 2025 phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công đạt tối thiểu 90%.

Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2026-2030 (Thay thế Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/8/2021 về việc quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025). Nghị quyết của HĐND tỉnh hỗ trợ phát triển các trường mầm non, phổ thông tư thục và cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho một số huyện có khó khăn về nguồn thu ngân sách và nhu cầu lớn về đầu tư xây dựng phòng học (huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hoà).

2.10. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ưu đãi đối với người có công (NCC) với cách mạng và thân nhân của họ theo pháp lệnh ưu đãi NCC và các Nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết chế độ chính sách đối với NCC với cách mạng trên địa bàn tỉnh: tiếp tục đổi mới phương thức chi trả trợ cấp ưu đãi đối với NCC và thân nhân của họ, trong đó nghiên cứu xây dựng và triển khai Đề án thực hiện phương thức chi trả không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Chú trọng cung cấp Dịch vụ công trực tuyến đối với nhóm TTHC lĩnh vực NCC, đặc biệt là các TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa một cửa liên thông; 100% hồ sơ TTHC lĩnh vực NCC được giải quyết đúng và trước hạn; 100% hồ sơ TTHC lĩnh vực NCC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cấp xã, huyện, tỉnh được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Tiếp tục nâng cao chất lượng trong giải quyết TTHC nhằm kịp thời hỗ trợ, giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động thất nghiệp, người lao động đang tìm việc làm; trong đó ưu tiên đổi mới phương thức hỗ trợ, đưa ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả kết nối, tìm việc, giới thiệu việc làm đối với lao động thất nghiệp. Đảm bảo 100% TTHC đề nghị giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp được tiếp nhận và giải quyết đúng quy định, phần đầu 70% TTHC/tổng số TTHC đề nghị giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp được tiếp nhận qua công dịch vụ công quốc gia. Nâng cao chất lượng các phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển lao động cho các doanh nghiệp để phát triển sản xuất.

2.11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý văn hóa, thể thao và du lịch (VH, TT & DL), đẩy mạnh thực hiện phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp nhằm tăng tính chủ động đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của các đơn vị trong hoạt động chuyên môn.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động VH, TT & DL từ tỉnh đến các huyện, xã và cơ sở. Khuyến khích và cho phép cá nhân, tổ chức ngoài công lập được đầu tư xây điểm vui chơi giải trí, rạp chiếu phim; sân vận động, nhà văn hóa từ tỉnh đến cấp huyện và cơ sở. Huy động Nhân dân tham gia đóng góp xây dựng nhà văn hóa, công trình thể dục thể thao cộng đồng, tủ sách báo,... Có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia xã hội hóa các hoạt động VH, TT & DL, nhằm tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy các hoạt động xã hội hóa của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

2.12. Công an tỉnh

Vận hành có hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thường xuyên thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, bảo đảm dữ liệu dân cư chính xác trên địa bàn tỉnh, phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để phục vụ CCHC và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh sử dụng ứng dụng định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến

trong giải quyết các TTHC. Hỗ trợ các cơ quan hành chính trong việc sử dụng dữ liệu dân cư để đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thời gian và chi phí cho người dân, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch.

Nâng cao hiệu quả đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên ứng dụng VNeID đối với xe lắp ráp trong nước và xe nhập khẩu.

2.13. Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Điện lực tỉnh

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện các TTHC; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC. Duy trì tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện và cấp xã đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

2.14. Bru điện tỉnh

Chủ động phối hợp với các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh trong thực hiện các dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh. Nâng cấp, trang bị cơ sở vật chất thiết yếu để tất cả các buro cục, đặc biệt là Bru điện văn hóa xã đều có thể kết nối thông tin để triển khai việc tiếp nhận hồ sơ TTHC của người dân, chuyển lên cơ quan hành chính của tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Bộ trí đội ngũ là điều tra viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm để triển khai điều tra, khảo sát theo đề nghị của các cơ quan hành chính, đặc biệt là điều tra đánh giá Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số CCHC (PAR Index).

2.15. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025. Chú trọng biểu dương các điển hình, mô hình, sáng kiến, giải pháp hiệu quả.

Tiếp nhận ý kiến phản ánh, phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của tỉnh để chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Xây dựng mạng lưới cộng tác viên trong công tác tuyên truyền, bảo đảm thông tin đa dạng, phong phú, kịp thời, chính xác. Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo điều hành, kết quả triển khai công tác CCHC trên các ấn phẩm của báo, đài; đa dạng hóa các thể loại tin, bài, ảnh, clip, emagazine.... Trung bình mỗi tháng thực hiện 01 trang/tin chuyên đề CCHC trên báo in, báo hình, báo điện tử và các tin, bài với các nội dung về kết quả triển khai nhiệm vụ CCHC ở các sở, ngành, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025, yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, HCTC, HCC;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC.Linh.

Q. CHỦ TỊCH



Mai Sơn

Phụ lục

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH BẮC GIANG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
I	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
	1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp...	1.1. Nhiệm vụ 1: Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp... đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành của các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành; cũng như đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của địa phương.	Hoạt động 1: Chủ động tham mưu ban hành văn bản QPPL điều chỉnh các nội dung của ngành; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp...	Nghị quyết/Quyết định	Các Sở, ngành	Sở Tư pháp	Năm 2025	
			Hoạt động 2: Nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh; thẩm định dự thảo văn bản QPPL, đảm bảo 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được thẩm định trước khi ban hành, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật và đảm bảo tính khả thi của văn bản QPPL.	Báo cáo thẩm định	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành		
		1.2. Nhiệm vụ 2: Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện, đề xuất, kiến nghị xử lý và	Hoạt động 1: Thường xuyên tự kiểm tra văn bản của UBND.	Báo cáo kết quả tự kiểm tra/ Thông	Sở Tư pháp (đối với nhiệm	Các Sở, ngành, đơn vị,	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
		kịp thời xử lý đối với các văn bản trái pháp luật; đồng thời tiến hành đánh giá hậu quả, các biện pháp khắc phục hậu quả trong việc ban hành văn bản trái pháp luật (nếu có); rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND ban hành để kịp thời tham mưu xử lý văn bản sau rà soát; trong đó, tập trung rà soát các văn bản có nội dung liên quan đến: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp...	Hoạt động 2: Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền ngay sau khi ban hành và theo Kế hoạch. Hoạt động 3: Thường xuyên rà soát ngay sau khi có văn bản QPPL là căn cứ pháp lý hoặc tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương có thay đổi dẫn đến nội dung văn bản đã ban hành không còn phù hợp và rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực theo Kế hoạch trong đó, tập trung rà soát các văn bản có nội dung liên quan đến: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp...	báo kết luận kiểm tra/Báo cáo kết quả rà soát	vụ tự địa kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền). Các Sở, ngành, địa phương (đối với nhiệm vụ rà soát)	địa phương có liên quan		
	2. Gắn việc xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL với việc tăng cường hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; đảm bảo thi hành pháp luật nghiêm minh; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.	2.1. Nhiệm vụ 1: Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý. Tăng cường hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện kiến nghị, xử lý kết quả	Hoạt động 1: Xây dựng, ban hành Kế hoạch, Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Các đợt kiểm tra/ Thông báo kết luận kiểm tra/Báo cáo kết quả theo dõi thi	Sở Tư pháp (đối với Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh) Các Sở, ngành,	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện có liên quan	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
		sau theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.		hành pháp luật trong từng lĩnh vực được lựa chọn theo Kế hoạch.	UBND cấp huyện (đối với Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý)			
			Hoạt động 2: Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện kiến nghị, xử lý kết quả sau theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân	Các hướng dẫn, đôn đốc/Văn bản hướng dẫn đôn đốc/Thông báo kết quả kiểm tra/Báo cáo kết quả xử lý	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện	Các Sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan		
			Hoạt động 3: Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Các Cổng TTĐT, Cổng thông tin phổ biến giáo dục PL; mạng XH	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện có liên quan		
II CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH								
	1. 100% thủ tục hành chính (TTHC) trong văn bản QPPL của	1.1. Nhiệm vụ 1: Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các	Hoạt động 1: Thực hiện đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ đối với các quy định về TTHC	Báo cáo đánh giá tác động của TTHC,	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Khi có phát sinh	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	tỉnh được kiểm soát chặt chẽ trước khi ban hành	quy định TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật	trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh (khi được giao trong Luật)	bản đánh giá tác động của TTHC				
			Hoạt động 2: Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC	Văn bản tham gia ý kiến	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Khi có phát sinh	
	2. Rà soát TTHC thuộc phạm vi, thẩm quyền của các sở, ngành, địa phương, đề xuất các phương án, sáng kiến đơn giản hóa TTHC theo hướng phân cấp, uỷ quyền trong giải quyết TTHC, cắt giảm yêu cầu, điều kiện trình UBND tỉnh phê duyệt.	2.1. Nhiệm vụ 2: Rà soát, đơn giản hóa TTHC	Hoạt động 1: Đăng ký danh sách TTHC có khó khăn, bất cập, vướng mắc thực hiện rà soát	Văn bản đăng ký	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP	Văn phòng UBND tỉnh	Trước 10/2/2025	
			Hoạt động 3: Tổng hợp danh sách và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch	Kế hoạch ban hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Tháng 2/2025	
			Hoạt động 4: Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC	Lập biểu mẫu, báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch riêng	
			Hoạt động 5: Thẩm định trình phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC	Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Cơ quan rà soát	Theo Kế hoạch riêng	
	3. 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được	3.1. Nhiệm vụ 1: Thường xuyên rà soát TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính	Hoạt động 1: Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố, công khai		Các sở, ban, ngành,	Văn phòng UBND	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	công bố, công khai và rà soát đơn giản hóa	nhà nước trong các văn bản QPPL	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước		UBND huyện, TP	tỉnh		
	4. Bảo đảm trên 90% hồ sơ TTHC được giải quyết trước và đúng hạn, trong đó có trên 60% trả trước hạn. Trường hợp, đề xảy ra tình trạng chậm muộn phải thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định. 100% TTHC được tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã. 100% bộ phận một cửa và công chức một cửa được đánh giá, chấm điểm. Bảo đảm mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh	4.1. Nhiệm vụ 1: Tiếp tục thực hiện đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.		Hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, Công văn xin lỗi (trong trường hợp đề xảy ra quá hạn)	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.							
	5. Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	5.1. Nhiệm vụ 1: Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tập trung giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả giải quyết TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.		Công văn rà soát, Báo cáo đề xuất,	Sở, ngành, UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025	
	6. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%.	6.1. Nhiệm vụ 1: Nâng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại các cấp chính quyền và tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên.		Tỷ lệ được cung cấp trên cổng dịch vụ công theo quy định ; văn bản công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, địa phương	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	7. Trên 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.	7.1. Nhiệm vụ 1: Nâng cao tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá đạt trên 80%.	Hoạt động 1: Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các Sở, ngành, địa phương	Năm 2025	
	8. 100% TTHC được xây dựng quy trình nội bộ và được công bố, công khai, cập nhật kịp thời	8.1. Nhiệm vụ 1: Rà soát, xây dựng Quyết định công bố thủ tục/danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; Cập nhật, công khai TTHC; tin học hóa quy trình nội bộ giải quyết TTHC.	Hoạt động 1: Công bố thủ tục/danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh. Hoạt động 2: Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.	Quyết định; TTHC được cập nhật, công khai.	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
	9. TTHC của Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có đủ điều kiện, được cung cấp dịch vụ công	9.1. Nhiệm vụ 1: Rà soát, tái cấu trúc, xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tích hợp cung cấp	Hoạt động 1: TTHC được tái cấu trúc, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang	Quyết định	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	trực tuyến toàn trình và một phần; được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia	trên Cổng dịch vụ công quốc gia						
III CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC								
	1. Sắp xếp, tinh gọn từ 05-06 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; phân đầu giảm tối thiểu 15% đầu mỗi tổ chức hành chính bên trong. Sắp xếp, tinh gọn đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (<i>lĩnh vực</i>	1.1. Nhiệm vụ 1: Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, số biên chế, số cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và lộ trình của tỉnh; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW.	Hoạt động 1: Xây dựng Đề án của UBND tỉnh về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, số biên chế, số cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, bảo đảm theo đúng lộ trình của Trung ương, của tỉnh và theo quy định của pháp luật; trình cấp có thẩm quyền quyết định.	Nghị quyết/Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương	Quý I năm 2025	
	<i>sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</i>) bảo đảm tiêu chí, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (theo Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo TW về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch định hướng số 140/KH-BCĐTKNQ18 ngày 05/12/2024 của Ban Chỉ đạo TW tổng kết	1.2. Nhiệm vụ 2: Các sở, cơ quan, thuộc UBND tỉnh kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp huyện rà soát, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND	Hoạt động 1: Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị, của cơ quan chuyên môn; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định.	Quyết định	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ	Sau khi có Nghị định, Thông tư hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Kế hoạch số 154-KH/BCĐ ngày 04/12/2024 của Ban Chỉ đạo tỉnh và các văn bản có liên quan).	cấp huyện theo quy định.						
		1.3. Nhiệm vụ 3: Tham mưu UBND tỉnh Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 16/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trên địa bàn tỉnh.	Hoạt động 1: Chủ động rà soát, đối chiếu các nội dung không còn phù hợp, tham mưu sửa đổi, bổ sung theo quy định	Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Tháng 5 năm 2025	
		1.4. Nhiệm vụ 4: Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2026	Hoạt động 1: Trên cơ sở báo cáo và kế hoạch xây dựng biên chế hằng năm các đơn vị gửi, Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo, trình UBND tỉnh quyết định	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương	Quý IV năm 2025	
		1.5. Nhiệm vụ 5: Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh.	Hoạt động 1: UBND cấp huyện căn cứ Nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền xây dựng đề án, sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện, gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh quyết định hoặc cho chủ trương thực hiện.	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và cơ quan liên quan	Giai đoạn 2024-2025	
		1.6. Nhiệm vụ 6: Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế.	Hoạt động 1. Xây dựng Kế hoạch, thông báo kiểm tra công tác quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế các sở, cơ quan, đơn vị, địa phương.	Kế hoạch, Thông báo kết luận kiểm	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
				tra		phương		
IV CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ								
	1. Xây dựng đội ngũ CB,CC,VC tinh gọn chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tình hình mới	1.1. Nhiệm vụ 1: Triển khai tuyển dụng viên chức năm 2025	Hoạt động 1: Ban hành kế hoạch tuyển dụng giáo viên, viên chức y tế năm 2025	Kế hoạch/ Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã; các ĐVSN công lập	Quý III, IV năm 2025	
			Hoạt động 2: Triển khai Kế hoạch tuyển dụng đảm bảo đúng quy định	Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã; các ĐVSN công lập	Quý III, IV năm 2025	
	2. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý CB,CC,VC	2.1. Nhiệm vụ 1: Cập nhật kịp thời thông tin CB,CC,VC trên phần mềm Quản lý CB,CC,VC.	Hoạt động 1: Chủ động rà soát, cập nhật thông tin CB,CC,VC trên phần mềm Quản lý CB,CC,VC.	Cơ sở dữ liệu thông tin trên phần mềm	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã; các ĐVSN công lập	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và TT	Thường xuyên	
	3. CB,CC,VC được bố trí đúng theo vị trí việc làm	3.1. Nhiệm vụ 1: Rà soát Đề án VTVL và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp	Hoạt động 1: Thẩm định điều chỉnh Đề án VTVL cơ cấu ngạch công chức, Đề án VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp	Báo cáo/Văn bản thẩm định	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã;	Sở Nội vụ	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
		công lập.	công lập.		các ĐVSN công lập			
		3.2. Nhiệm vụ 2: Bố trí CB,CC,VC, người lao động theo đề án VTVL đã được phê duyệt của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, TP, thị xã.	Hoạt động 1: Rà soát việc bố trí CB,CC,VC, người lao động theo đề án VTVL của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, TP, thị xã	Báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã; các ĐVSN công lập	Tháng 11 năm 2025	
	4. Tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương theo chỉ đạo của Trung ương; thực hiện tốt việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và công tác tiếp nhận, điều động công chức, viên chức nhà nước đảm bảo đúng quy định.	4.1. Nhiệm vụ 1: Tiếp tục triển khai thực hiện sau khi có các văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương và của Bộ Nội vụ	Hoạt động 1: Rà soát, thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo bảng lương mới	Công văn, Báo cáo, Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã; các ĐVSN công lập	Năm 2025	
	5. 100% cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp phòng được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý	5.1. Nhiệm vụ 1: Mở các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng vị trí việc làm	Hoạt động 1: Rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng	Kế hoạch/Báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các huyện, TP, thị xã; các ĐVSN công lập	Tháng 10/2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	6. Thực hiện bổ nhiệm, nâng ngạch, thăng hạng cho CB,CC,VC đạt tỷ lệ 60% trở lên theo vị trí việc làm.	6.1. Nhiệm vụ 1: Ban hành Kế hoạch về nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức	Hoạt động 1: Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức	Số liệu tỉ lệ so với mục tiêu/Kế hoạch, Báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập	Năm 2025	
		6.2. Nhiệm vụ 2: Rà soát, bổ nhiệm, xếp lương giáo viên theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và ĐT	Hoạt động 1: Bổ nhiệm, xếp lương giáo viên	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và ĐT; UBND huyện, TP, thị xã	Năm 2025	
V	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
	1. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng NSNN cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo	1.1. Nhiệm vụ 1: Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐCP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của CP	Hoạt động 1: Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hợp lý trên cơ sở triệt để tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, công khai tài chính và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan.	Báo cáo	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã	Tháng 01/2025	
		1.2. Nhiệm vụ 2: Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư	Hoạt động 1: Hướng dẫn triển khai và thực hiện thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước;	Thông báo	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	Thường xuyên hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
		công. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.	Quyết toán vốn đầu tư công, hàng năm theo chế độ, chính sách hiện hành			trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã		
			Hoạt động 2: Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành	Quyết định	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã	Thường xuyên hàng năm	
	2. Tham mưu ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh về thực hiện Nghị định số 114/2024/NĐ-CP	2.1. Nhiệm vụ 1: Hoàn thiện việc tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh về thực hiện Nghị định số 114/2024/NĐ-CP	Hoạt động 1: Xây dựng dự thảo Nghị quyết, xin ý kiến các cơ quan, đơn vị; UBND huyện, TP, thị xã để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình HĐND theo quy định	Nghị quyết	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã	Tháng 07/2025	
	3. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý	3.1. Nhiệm vụ 1: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước	Hoạt động 1: Thực hiện tốt công tác giám sát trực tiếp 02 doanh nghiệp và gián tiếp đối với các	Báo cáo	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành có liên quan,	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	đầu tư tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản trị DNNN	DNNN và DN có vốn nhà nước để bảo toàn và phát triển vốn			các Công ty cổ phần thực hiện thoái vốn nhà nước và người đại diện phần vốn NN		
		3.2. Nhiệm vụ 2: Tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc TS	Hoạt động 1: Tổng hợp thanh quyết toán kinh phí các công ty sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg của TTCP	Tờ trình	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, các công ty CP có liên quan	Năm 2025	
VI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ								
	1. 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình/tổng số hồ sơ thuộc TTHC toàn trình. 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt,	Nhiệm vụ 1: Xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Hoạt động 1: Phát triển với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác Hoạt động 2: Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức	Nâng cấp phần mềm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, TP	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	hợp nhất trên tất cả các hệ thống của cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương 100% kết quả giải quyết TTHC của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng. 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC		mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.					
	2. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.	Nhiệm vụ 1: Phát triển Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang	Hoạt động 1: Duy trì, phát triển Kho dữ liệu số (data lake, big data) của tỉnh để quản lý thống nhất việc tích hợp, lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số.	Nâng cấp phần mềm	Sở TT&T T	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, TP	2025	
	3. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước).	Nhiệm vụ 1: Nâng cấp hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc	Hoạt động 1: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc đảm bảo áp dụng hiệu quả thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, trong đó có hệ thống theo dõi các nhiệm vụ được giao	Nâng cấp phần mềm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, TP	2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
	4. 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	Nhiệm vụ 1: Duy trì, phát triển Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang	Hoạt động 1: Duy trì, phát triển Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang để quản trị dữ liệu số, công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin bảo đảm kết nối với Cổng dữ liệu số quốc gia.	Nâng cấp phần mềm	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, TP	2025	
VII CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH								
	1. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về CCHC của tỉnh, của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.	1.1. Nhiệm vụ 1: Tham mưu, xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC năm 2025 của tỉnh.	Hoạt động 1: Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền	Kế hoạch	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, TP	Tháng 1/2025	
		1.2. Nhiệm vụ 2: Lựa chọn một số nội dung trọng tâm tuyên truyền về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh	Hoạt động 1: Phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh tuyên truyền về CCHC	Văn bản chỉ đạo/ báo cáo kết quả	Sở Nội vụ		Tháng 12/2025	
		1.3. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC năm 2025, của Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Hoạt động 1: Xây dựng kế hoạch, Ban hành các văn bản chỉ đạo.	Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện,		Tháng 02/2025 (Gửi KH về Sở Nội vụ)	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
					TP, thị xã			
		1.4. Nghiên cứu, đề xuất nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền CCHC	Hoạt động 1: Lập dự trù kinh phí tuyên truyền CCHC năm 2026	Dự toán được duyệt	Sở Nội vụ		Tháng 12/2025	
	2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thực hiện kế hoạch CCHC.	Nhiệm vụ 1: Tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025 của tỉnh	Hoạt động 1: Xây dựng kế hoạch, các văn bản chỉ đạo.	Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo	Văn Phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, TP	Tháng 1/2025	
		Nhiệm vụ 2: Xây dựng Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025 của sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Hoạt động 1: Xây dựng kế hoạch, Ban hành các văn bản chỉ đạo.	Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, TP, thị xã		Tháng 01/2025 (Gửi KH về Sở Nội vụ)	
		Nhiệm vụ 3: Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ CB, CC, VC làm công tác CCHC	Hoạt động 1: Dự trù kinh phí Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho công chức làm công tác tham mưu về CCHC các cấp năm 2026	Dự toán kinh phí hoạt động cho năm 2026			Tháng 12/2025	
		Nhiệm vụ 4: Tham mưu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác sáng kiến, giải pháp mới	Hoạt động 1: Xây dựng các văn bản chỉ đạo.	Các văn bản chỉ đạo, các Đăng ký sáng kiến, giải pháp	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND		Tháng 03/2025 (Gửi Đăng ký về Sở Nội vụ)	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
					cấp huyện, TP, thị xã			
	3. Đẩy mạnh công tác kiểm tra CCHC theo hướng thực chất.	Nhiệm vụ 1: Xây dựng và triển khai nhiệm vụ kiểm tra công tác CCHC của tỉnh Nhiệm vụ 2: Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2025 của UBND cấp huyện.	Hoạt động 1: Xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo. Hoạt động 2: Triển khai thực hiện công tác kiểm tra Hoạt động 3: Báo cáo, thông báo kết luận kiểm tra	Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã		Tháng 03/2025 (Gửi KH về Sở Nội vụ)	
	4. Nâng cao chỉ số CCHC cấp tỉnh, các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Nhiệm vụ 1: Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả xác định chỉ số CCHC các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã năm 2024; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 Nhiệm vụ 2: Triển khai tự chấm điểm, xác định chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2024 gửi Bộ Nội vụ thẩm định	Hoạt động 1: Xây dựng các văn bản chỉ đạo, tổ chức thẩm định, tổng hợp, xây dựng báo cáo. Hoạt động 1: Xây dựng các văn bản chỉ đạo, tổ chức thẩm định, tổng hợp, xây dựng báo cáo.	Báo cáo	Sở Nội vụ	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Tháng 01/2025	
				Báo cáo	Sở Nội vụ	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Quý I/2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
		Nhiệm vụ 3: Tham mưu xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024 của tỉnh	Hoạt động 1: Xây dựng báo cáo.	Báo cáo	Sở Nội vụ	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Quý II/2025 (Sau khi BCĐ CCHC của CP công bố kết quả)	
		Nhiệm vụ 4: Tham mưu ban hành Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã năm 2025	Hoạt động 1: Xây dựng Kế hoạch.	Kế hoạch	Sở Nội vụ		Tháng 10/2025	
		Nhiệm vụ 5: Nghiên cứu, đề xuất kinh phí xác định Chỉ số CCHC của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP, thị xã năm 2025	Hoạt động 1: Lập dự trù kinh phí xác định Chỉ số CCHC.	Kế hoạch	Sở Nội vụ		Tháng 10/2025	